



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

2. GOTAMIYĀ VATTHADĀNAPAÑHO

1. “Bhante nāgasena bhāsitaṃpetamaṃ bhagavatā mātucchāya mahāpajāpatiyā gotamiyā vassikasāṭṭhikāya dīyamānāya: **‘Saṅghe gotami dehi. Saṅghe te dinne ahañce va pūjito bhavissāmi saṅgho cā** ’ti. Kinnu kho bhante nāgasena tathāgato saṅgharatanato na bhāriko, na garuko, na dakkhiṇeyyo, yaṃ tathāgato sakāya mātucchāya sayampiñjitaṃ sayamluñcitaṃ sayampoṭhitaṃ sayamkantitaṃ sayamvāyitaṃ vassikasāṭṭhikaṃ attano dīyamānaṃ saṅghassa dāpesi? Yadi bhante nāgasena tathāgato saṅgharatanato uttaro bhavye adhiko vā visiṭṭho vā, ‘mayi dinne mahapphalaṃ bhavissati ’ti na tathāgato mātucchāya sayampiñjitaṃ sayamluñcitaṃ sayampoṭhitaṃ taṃ vassikasāṭṭhikaṃ saṅghe dāpeyya, yasmā ca kho bhante nāgasena tathāgato attānaṃ na pattiyati¹ na upanissayati, tasmā tathāgato mātucchāya taṃ vassikasāṭṭhikaṃ saṅghassa dāpesi ”ti.

2. “Bhāsitaṃpetamaṃ mahārāja bhagavatā mātucchāya mahāpajāpatiyā gotamiyā vassikasāṭṭhikāya dīyamānāya: **‘Saṅghe gotami dehi. Saṅghe te dinne ahañceva pūjito bhavissāmi saṅgho cā** ’ti. Taṃ pana na attano patimānanassa avipākatāya na adakkhiṇeyyatāya, api ca kho hitatthāya anukampāya ‘anāgatamaddhānaṃ saṅgho mamaccayena cittaṃkato bhavissati ’ti, vijjamāneyeva guṇe parikkittayanto evamāha: ‘Saṅghe gotami dehi saṅghe te dinne ahañceva pūjito bhavissāmi saṅgho cā ’ti.

Yathā mahārāja pitā dharamānoyeva amaccabhaṭṭabalatthadovārika-anikaṭṭhapārisajjanamajjhe rañño santike puttassa vijjamānaṃ yeva guṇaṃ pakitteti: ‘Idha ṭhapito anāgatamaddhānaṃ janamajjhe pūjito bhavissati ’ti, evameva kho mahārāja tathāgato hitatthāya anukampāya ‘anāgatamaddhānaṃ saṅgho mamaccayena cittaṃkato bhavissati ’ti vijjamāne yeva guṇe pakittiyanto evamāha: ‘Saṅghe gotami dehi. Saṅghe te dinne ahañceva pūjito bhavissāmi saṅgho cā ’ti.

Na kho mahārāja tāvatakena vassikasāṭṭhikānuppādānamattakena saṅgho tathāgatato adhiko nāma hoti visiṭṭho vā. Yathā mahārāja mātāpitāro puttānaṃ ucchādenti parimaddanti nahāpenti sambāhenti, api nu kho mahārāja tāvatakena ucchādāna-parimaddana-nahāpana-sambāhanamattakena putto mātāpitūhi adhiko nāma hoti visiṭṭho vā ”ti?

¹ na patthayati - Ma.

2. CÂU HỎI VỀ VIỆC DÂNG CÚNG TẮM VẢI CỦA BÀ GOTAMĪ:

1. “Thưa ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến khi dì mẩu Mahāpajāpati Gotamī đang dâng cúng tắm vải choàng tắm mưa: **‘Này Gotamī, hãy dâng cúng Hội Chúng. Khi Hội Chúng được bà dâng cúng, chính Ta sẽ được tôn vinh, và luôn cả Hội Chúng nữa.’** Thưa ngài Nāgasena, việc đức Như Lai trong khi bản thân được người dì mẩu của mình dâng cúng tắm vải choàng tắm mưa đã được bà đích thân nhuộm, đích thân chải, đích thân đập giũ, đích thân cắt, đích thân dệt, lại bảo dâng đến Hội Chúng, phải chăng đức Như Lai không là người quan trọng, không là bậc được kính trọng, không là bậc đáng được cúng dường so với Hội Chúng quý báu? Thưa ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai là vượt hẳn Hội Chúng quý báu, hoặc là trội hơn, hay nổi bật, (nghĩ rằng): ‘Khi Ta được dâng cúng thì sẽ có quả báu lớn,’ đức Như Lai không bảo dâng cúng đến Hội Chúng tắm vải choàng tắm mưa đã được người dì mẩu đích thân nhuộm, đích thân chải, đích thân đập giũ. Thưa ngài Nāgasena, (hay) bởi vì đức Như Lai không thu lợi, không gom vào cho bản thân, vì thế đức Như Lai đã bảo người dì mẩu dâng cúng tắm vải choàng tắm mưa đến Hội Chúng.”

2. “Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến khi dì mẩu Mahāpajāpati Gotamī đang dâng cúng tắm vải choàng tắm mưa: **‘Này Gotamī, hãy dâng cúng Hội Chúng. Khi Hội Chúng được bà dâng cúng, chính Ta sẽ được tôn vinh, và luôn cả Hội Chúng nữa.’** Tuy nhiên, điều ấy không vì trạng thái không có quả thành tựu cho người có sự tôn kính, không phải vì tính chất không đáng được cúng dường của bản thân (Ngài), nhưng vì sự lợi ích, vì lòng thương tưởng (nghĩ rằng): ‘Vào thời vị lai xa xôi, sau khi Ta tịch diệt, Hội Chúng sẽ được quan tâm.’ Trong khi tán dương các đức tính quả đang được nhận biết, Ngài đã nói như vậy: ‘Này Gotamī, hãy dâng cúng Hội Chúng. Khi Hội Chúng được bà dâng cúng, chính Ta sẽ được tôn vinh, và luôn cả Hội Chúng nữa.’

Tâu đại vương, giống như người cha, ngay trong khi đang còn sống, tuyên dương tánh tốt quả đang được nhận biết ở người con trai trong sự hiện diện của đức vua, ở giữa quan đại thần, nhân công, binh lính, người giữ cổng, lính gác, quần thân, dân chúng (nghĩ rằng): ‘Được xác lập ở đây, thì vào thời vị lai xa xôi sẽ được tôn vinh ở giữa dân chúng.’ Tâu đại vương, tương tự y như thế đức Như Lai vì sự lợi ích, vì lòng thương tưởng (nghĩ rằng): ‘Vào thời vị lai xa xôi, sau khi Ta tịch diệt, Hội Chúng sẽ được quan tâm,’ trong khi tuyên dương các đức tính quả đang được nhận biết, đã nói như vậy: ‘Này Gotamī, hãy dâng cúng Hội Chúng. Khi Hội Chúng được bà dâng cúng, chính Ta sẽ được tôn vinh, và luôn cả Hội Chúng nữa.’

Tâu đại vương, nhưng không phải chỉ với chùng ấy việc ban cho tắm vải choàng tắm mưa mà Hội Chúng so với đức Như Lai được gọi là trội hơn, hay nổi bật. Tâu đại vương, giống như người mẹ và cha xúc đầu, xoa bóp, tắm rửa, kỳ cọ cho những đứa con trai. Tâu đại vương, phải chăng chỉ với chùng ấy việc xúc đầu, xoa bóp, tắm rửa, kỳ cọ mà đứa con trai so với mẹ cha được gọi là trội hơn, hay nổi bật?”

3. “Na hi bhante. Akāmakaraṇīyā bhante puttā mātāpitunnaṃ, tasmā mātāpitaro puttānaṃ ucchādāna-parimaddana-nahāpana-sambāhanaṃ karontī ”ti.

“Evameva kho mahārāja na tāvatakena vassikasāṭīkānuppādāna-mattakena saṅgho tathāgatato adhiko nāma hoti visiṭṭho vā. Api ca tathāgato akāmakaraṇīyaṃ karonto mātucchāya taṃ vassikāsāṭīkaṃ saṅghassa dāpesi.

Yathā vā pana mahārāja kocideva puriso rañño upāyanaṃ āhareyya, taṃ rājā upāyanaṃ aññatarassa bhaṭassa vā balatthassa vā¹ senāpatissa vā purohitassa vā dadeyya, api nu kho so mahārāja puriso tāvatakena upāyana-paṭilābhamattakena raññā adhiko nāma hoti visiṭṭho vā ”ti?

“Na hi bhante. Rājabhattiko bhante so puriso rājūpajīvī. Taṃ ṭhāne ṭhapento rājā upāyanaṃ detī ”ti.

4. “Evameva kho mahārāja na tāvatakena vassikasāṭīkānuppādāna-mattakena saṅgho tathāgatato adhiko nāma hoti visiṭṭho vā, atha kho tathāgatabhattiko tathāgatupajīvī. Taṃ ṭhāne ṭhapento tathāgato saṅghassa vassikasāṭīkaṃ dāpesi. Api ca mahārāja tathāgatassa evaṃ ahoṣi: ‘Sabhāva-patipūjanīyo saṅgho, mama santakena saṅghaṃ patipūjessāmī ’ti. Iti² saṅghassa vassikasāṭīkaṃ dāpesi. Na mahārāja tathāgato attanoyeva paṭipūjanaṃ vaṇṇeti, atha kho ye loke patipūjanārahā tesampi tathāgato patipūjanaṃ vaṇṇeti.

Bhāsitampeṭaṃ mahārāja bhagavatā devātidevena majjhimanikāyavara-lañchake dhammadāyādadhmapariyāye appicchapaṭipattiṃ pakittaya-mānena. ‘**Asu yeva me purimo bhikkhu pujjataro ca pāsamsataro cā**’ti. Natthi mahārāja bhavesu koci satto tathāgatato dakkhiṇeyyo vā³ adhiko vā visiṭṭho vā. Tathāgato ’va uttaro adhiko visiṭṭho.

5. Bhāsitampeṭaṃ mahārāja saṃyuttanikāyavare māṇavagāmikena devaputtena bhagavato purato ṭhatvā devamanussānaṃ majjhe:

**‘Vipulo rājagahīyānaṃ⁴ giri seṭṭho pavuccati
seto himavataṃ seṭṭho ādicco aghagāminaṃ.
Samuddo ’dadhinaṃ seṭṭho nakkhattānañca candimā
sadevakassa lokassa buddho aggo pavuccatī ’ti.**

¹ balassa vā - Ma.

² iti - itisaddo Ma, PTS potthakesu natthi.

³ uttaro vā - Machasaṃ adhikaṃ.

⁴ rājagahīyānaṃ - Ma; rājagahikānaṃ - PTS.

3. “Thưa ngài, không đúng. Thưa ngài, người mẹ và cha có những đứa con trai thì có những việc cần phải làm không theo ý muốn, vì thế người mẹ và cha thực hiện việc xúc đầu, xoa bóp, tắm rửa, kỳ cọ cho những đứa con trai.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế không phải chỉ với chùng ấy việc ban cho tấm vải choàng tắm mưa mà Hội Chúng so với đức Như Lai được gọi là trội hơn, hay nổi bật. Thêm nữa, đức Như Lai, trong khi thực hiện công việc cần phải làm không theo ý muốn, đã bảo người dì mẫu dâng cúng tấm vải choàng tắm mưa đến Hội Chúng.

Tâu đại vương, hoặc là giống như người nam nào đó mang đến tặng phẩm cho đức vua, đức vua có thể cho tặng phẩm ấy đến người nào đó, hoặc là nhân công hoặc binh lính, hoặc tướng lãnh, hoặc vị quân sư. Tâu đại vương, phải chăng chỉ với chùng ấy việc nhận lãnh tặng phẩm mà người đàn ông ấy so với đức vua được gọi là trội hơn, hay nổi bật?”

“Thưa ngài, không đúng. Thưa ngài, người đàn ông ấy là người lãnh lương của đức vua, có cuộc sống phụ thuộc vào đức vua. Trong khi đặt để vào vị trí ấy, mà đức vua ban cho tặng phẩm.”

4. “Tâu đại vương, tương tự y như thế không phải chỉ với chùng ấy việc ban cho tấm vải choàng tắm mưa mà Hội Chúng so với đức Như Lai được gọi là trội hơn, hay nổi bật, khi ấy (Hội Chúng) là người lãnh lương của đức Như Lai, có cuộc sống phụ thuộc vào đức Như Lai. Trong khi đặt để vào vị trí ấy, mà đức Như Lai đã bảo dâng tấm vải choàng tắm mưa đến Hội Chúng. Tâu đại vương, thêm nữa đức Như Lai đã khởi ý như vậy: ‘Hội chúng là xứng đáng được cúng dường từ trong bản thể, ta sẽ cúng dường đến Hội Chúng với khả năng của mình,’ nên đã bảo dâng tấm vải choàng tắm mưa đến Hội Chúng. Tâu đại vương, đức Như Lai không ca ngợi sự cúng dường đến chính bản thân, khi ấy những vị nào đáng được cúng dường ở thế gian, đức Như Lai cũng ca ngợi sự cúng dường đến các vị ấy.

Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời vượt trội các vị Trời, nói đến trong khi tuyên dương sự thực hành về ham muốn ít ở bài giảng Pháp về sự thừa tự Giáo Pháp ở đoạn *Varalañchaka* (Dấu Ấn Cao Quý) thuộc *Majjhimanikāya* (Trung Bộ) rằng: **‘Chính vị tỳ khuru đầu tiên ấy, đối với Ta, là đáng được cúng dường hơn và ca tụng hơn.’** Tâu đại vương, ở các cõi không có chúng sanh nào so với đức Như lai là xứng đáng được cúng dường, hoặc là trội hơn, hay nổi bật. Chính đức Như Lai là vượt hơn, trội hơn, nổi bật.

5. Tâu đại vương, điều này cũng đã được nói đến ở *Samyuttanikāya* (Bộ Tương Ưng) bởi vị Thiên tử Māṇavagāmiika khi đứng ở phía trước đức Thế Tôn, giữa chư Thiên và nhân loại rằng:

‘Trong số các núi ở Rājagaha, núi Vipula được gọi là tối thắng. Ở dãy Hi-mã-lạp, núi Seta là tối thắng. Mặt trời (là tối thắng) trong số các thiên thể. Đại dương là tối thắng trong số các biển cả. Mặt trăng (là tối thắng) trong số các vì tinh tú. Đức Phật được gọi là tối cao ở thế gian luôn cả chư Thiên.’

Tā kho panetā mahārāja māṇavagāmikena devaputtena gāthā sugītā na duggītā, subhāsītā na dubbhāsītā, anumatā ca bhagavatā. Nanu mahārāja therenapi sārīputtena dhammasenāpatinā bhaṇitaṃ:

**‘Eko manopasādo
saraṇagamanamañjalippaṇāmo vā
ussahate tārayituṃ
mārabalanisūdane buddhe ’ti.**

Bhagavatā ca bhaṇitaṃ devātidevena: **‘Ekapuggalo bhikkhave loke
uppajjamāno uppajjati bahujanahitāya bahujanasukhāya lokānu-
kampāya atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ. Katamo
ekapuggalo? Tathāgato arahāṃ sammāsambuddho —pe—
devamanussānaṃ ’ti.**

“Sādhu bhante nāgasena! Evametaṃ tathā sampañicchāmī ”ti.

Gotamīvatthadānapañho dutiyo.

Tâu đại vương, hơn nữa những lời kệ này đây đã được khéo ca, không phải vụng ca, đã được khéo thuyết, không phải vụng thuyết bởi vị Thiên tử Mānavagāmi, và đã được đức Thế Tôn chấp thuận. Tâu đại vương, quả vậy trưởng lão Sāriputta, vị Tướng Quân Chánh Pháp, cũng đã nói rằng:

‘Chỉ một việc có niềm tịnh tín ở tâm, hoặc việc nghiêng mình, chấp tay, đi đến nương nhờ nơi đức Phật, bậc có sự tiêu diệt binh đội của Ma Vương, có khả năng giúp cho vượt qua (khô đau).’

Và đức Thế Tôn, vị Trời vượt trội các vị Trời, đã nói rằng: **‘Này các tỳ khuru, có một nhân vật, trong khi được sanh ra ở thế gian, được sanh ra vì sự lợi ích của nhiều người, vì sự an lạc của nhiều người, vì lòng thương tưởng thế gian, vì sự tốt đẹp, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của chư Thiên và nhân loại. Là một nhân vật nào? Đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, trong khi được sanh ra ở thế gian, được sanh ra vì sự lợi ích của nhiều người, vì sự an lạc của nhiều người, vì lòng thương tưởng thế gian, vì sự tốt đẹp, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của chư Thiên và nhân loại.’**¹

“Thưa ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.”

Câu hỏi về việc dâng cúng tám vải của bà Gotamī là thứ nhì.

¹ Ekappuggalavagga, Ekanipāta, Aṅguttaranikāya.